

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN ĐƯỚC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-12-2020

V/v “*tranh chấp ly hôn giữa*

*Anh N và chị P*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC TỈNH LONG AN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Võ Thị Thanh Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Minh Quang

2. Bà Phan Thị Hồng Diễm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 429/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 03/8/2020, trong quá trình tố tụng và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Kim P cưới nhau vào năm 1990, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 19/7/1993 tại UBND xã L, huyện C. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng, không tôn trọng nhau. Anh đã nhiều lần nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện C, cụ thể vào năm 2019 được xét xử bằng Bản án số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 05/4/2019 đã không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh. Tuy nhiên từ khi Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn cho đến nay anh và chị P cũng không thể hàn gắn được hạnh phúc do anh không còn tình cảm với chị P, anh và chị P tuy ở chung nhà nhưng đã sống ly thân với nhau và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chị P cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm với anh. Trong cuộc sống, chị P không tin tưởng anh và luôn cho rằng anh

có quan hệ tình cảm với người khác nhưng anh xác định không có sự việc này. Nay, anh xét thấy không còn tình cảm với chị P, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị P.

Về nuôi con chung: Anh và chị P có 04 người con chung là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28/5/1993, Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 27/8/1995, Nguyễn Thanh G, sinh ngày 25/02/2005 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 30/6/2010. Hiện nay Nguyễn Tấn P và Nguyễn Thành Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu G và cháu N đang sống cùng với anh và chị P. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cho chị P được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu G và cháu N. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi hai cháu theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có nợ chung.

*Trong quá trình tố tụng và lời khai tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày:* Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn đúng như anh N trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N sống không chung thủy và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên anh N mới làm đơn ly hôn với chị. Hiện tại, vợ chồng vẫn sống chung nhà, vẫn sinh hoạt vợ chồng bình thường, vợ chồng chỉ sống ly thân từ tháng 01/2020 (âm lịch) cho đến nay do vợ chồng không có phòng ngủ riêng. Nay anh N khởi kiện xin ly hôn thì chị không đồng ý vì vẫn còn thương anh N. Mặt khác, chị vẫn quan tâm và chăm sóc cho anh N, mâu thuẫn giữa vợ chồng không có gì trầm trọng nên chị không đồng ý ly hôn. Biện pháp hàn gắn chị đưa ra là chị vẫn sống chung nhà vẫn chăm lo cho anh N và các con.

Về con chung: có 04 người con chung đúng như anh N trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị và anh N ly hôn thì chị đồng ý tiếp tục nuôi cháu G và cháu N và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai cháu theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Anh Nguyễn Thanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim P là quan hệ tranh chấp ly hôn, căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh N và chị Nguyễn Thị Kim P cưới nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/1993 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh N nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị P không tin tưởng anh, không tôn trọng nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì vậy anh N yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim P.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh N xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị P không tin tưởng anh, không tôn trọng nhau. Chị P cho rằng vợ chồng không có gì mâu thuẫn trầm trọng, do anh N sống không chung thủy và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên anh N mới làm đơn ly hôn với chị nhưng chị P cũng thừa nhận rằng vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Xét thấy, anh N đã nhiều lần yêu cầu xin ly hôn và không muốn chung sống cùng với chị P, chị P cho rằng anh N sống không chung thủy nhưng anh N không thừa nhận, từ đó cho thấy giữa chị P và anh N trong đời sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Mặt khác, anh N đã từng nộp đơn ly hôn và bị bác yêu cầu để cho cơ hội vợ chồng hàn gắn nhưng anh N xác định vẫn không hàn gắn được tình cảm với chị P và cương quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với chị P. Hội đồng xét thấy, mâu thuẫn giữa anh N và chị P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh N yêu cầu được ly hôn với chị P là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thanh N.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh N và chị P có bốn con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày: 28/5/1993; Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 27/8/1995; Nguyễn Thanh G, sinh ngày: 25/02/2005 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày: 30/6/2010. Hiện nay Nguyễn Tấn P và Nguyễn Thành Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi hai cháu G và cháu N, anh N cũng đồng ý và hai cháu có nguyện vọng sống với mẹ nên phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị P.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P yêu cầu anh N cấp dưỡng cho cháu G và cháu N theo quy định của pháp luật và anh N đồng ý. Căn cứ vào Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 thì cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con. Mức cấp dưỡng nuôi con theo công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao quy định người không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng bằng  $\frac{1}{2}$  mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử. Theo quy định của Chính phủ thì mức lương cơ sở tối thiểu là 1.490.000đồng. Như vậy, anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu G và cháu N mỗi cháu 745.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 16/12/2020 đến khi các con đủ 18 tuổi.

[2.3] Về chia tài sản: Anh N và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[2.4] Về nợ: Anh N và chị P đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh N và chị Nguyễn Thị Kim P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh N về việc “Ly hôn” với chị Nguyễn Thị Kim P.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim P.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Kim P được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thanh G, sinh ngày: 25/02/2005 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày: 30/6/2010. Anh Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu G và cháu N mỗi cháu 745.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 16/12/2020 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008880 ngày 30/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đức. Anh N còn phải nộp tiếp 300.000đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Thanh Nhung**